

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-36
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-36

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du Lịch Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng tiền thân là Công ty Du lịch Lâm Đồng được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 29/08/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5800271921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/12/2013, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 04 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Quốc Chính	Chủ tịch	
Ông Huỳnh Bình Thanh	Thành viên	
Ông Nguyễn Thiên Tường	Thành viên	
Ông Trịnh Bá Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/06/2021
Ông Nguyễn Đức Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/06/2021
Bà Nguyễn Thị Kim Giang	Thành viên	
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên	
Bà Đặng Ngọc Anh	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Kim Giang	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Nhật Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tạ Thị Diệu Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Xuân Nhàn	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Lê Anh	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Kim Dung	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22/06/2021
Bà Võ Thị Mỹ Trâm	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 22/06/2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Kim Giang
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 02 năm 2022

Số: 100322.033/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du Lịch Lâm Đồng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Du Lịch Lâm Đồng được lập ngày 10 tháng 02 năm 2022, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du Lịch Lâm Đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 5305-2020-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		60.742.465.111	98.606.589.053
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.155.838.782	75.185.176.222
111	1. Tiền		4.055.838.782	53.085.176.222
112	2. Các khoản tương đương tiền		100.000.000	22.100.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	3.093.574.545	887.539.315
121	1. Chứng khoán kinh doanh		3.093.574.545	887.539.315
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		43.702.153.875	12.869.750.366
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.964.460.960	3.661.646.220
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	261.532.636	496.490.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	6.567.788.000	5.467.788.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	36.160.503.029	4.017.928.521
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.252.130.750)	(774.102.375)
140	IV. Hàng tồn kho	10	5.575.782.352	6.131.553.934
141	1. Hàng tồn kho		5.575.782.352	6.131.553.934
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.215.115.557	3.532.569.216
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	249.955.810	263.508.946
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		638.935.312	71.069.818
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	3.326.224.435	3.197.990.452
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.045.167.737.959	1.126.511.210.294
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		8.450.000.000	8.450.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	8.450.000.000	8.450.000.000
220	II. Tài sản cố định		85.972.132.996	77.289.428.993
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	85.837.028.996	77.289.428.993
222	- Nguyên giá		220.122.644.010	184.578.097.002
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(134.285.615.014)	(107.288.668.009)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	135.104.000	-
228	- Nguyên giá		265.306.992	96.426.992
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(130.202.992)	(96.426.992)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	11	36.827.830.895	56.991.738.031
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		36.827.830.895	56.991.738.031
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	911.056.091.915	979.904.998.474
251	1. Đầu tư vào công ty con		237.279.742.354	418.699.216.554
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		640.193.804.640	470.767.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		34.049.000.000	90.438.781.920
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(466.455.079)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.861.682.153	3.875.044.796
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	2.845.540.345	3.875.044.796
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		16.141.808	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.105.910.203.070	1.225.117.799.347

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		172.738.583.021	317.728.899.931
310	I. Nợ ngắn hạn		59.554.055.815	68.699.743.545
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	8.960.435.883	18.475.045.060
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	376.204.005	504.842.768
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	688.924.441	1.153.848.799
314	4. Phải trả người lao động		4.106.935.963	5.435.701.264
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	12.133.670.264	3.650.587.162
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	4.943.979	30.681.910
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	15.352.324.547	8.024.938.846
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	11.366.616.733	24.860.097.736
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		6.564.000.000	6.564.000.000
330	II. Nợ dài hạn		113.184.527.206	249.029.156.386
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	-	375.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	113.184.527.206	248.654.156.386
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		933.171.620.049	907.388.899.416
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	933.171.620.049	907.388.899.416
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		396.000.007.122	396.000.007.122
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		396.000.007.122	396.000.007.122
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		82.767.656.000	82.767.656.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		18.504.000.000	18.504.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		435.899.956.927	410.117.236.294
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		410.117.236.294	303.413.367.630
421b	LNST chưa phân phối năm nay		25.782.720.633	106.703.868.664
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.105.910.203.070	1.225.117.799.347



Phạm Thị Xuân Nhàn
Người lập



Phạm Thị Xuân Nhàn
Kế toán trưởng





Nguyễn Thị Kim Giang
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 02 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG*Năm 2021*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	69.914.871.579	169.649.660.004
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	195.980.266	986.576.482
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		69.718.891.313	168.663.083.522
11	4. Giá vốn hàng bán	25	63.456.795.286	101.178.996.676
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.262.096.027	67.484.086.846
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	92.632.668.691	109.101.202.362
22	7. Chi phí tài chính	27	55.670.045.631	47.118.838.117
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		25.351.019.732	30.640.590.117
25	8. Chi phí bán hàng	28	2.357.049.327	5.009.980.506
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	14.636.882.964	17.230.179.543
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.230.786.796	107.226.291.042
31	11. Thu nhập khác	30	10.691.701	362.048.598
32	12. Chi phí khác	31	458.757.864	560.231.963
40	13. Lợi nhuận khác		(448.066.163)	(198.183.365)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.782.720.633	107.028.107.677
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	-	324.239.013
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		25.782.720.633	106.703.868.664

Phạm Thị Xuân Nhàn
Người lậpPhạm Thị Xuân Nhàn
Kế toán trưởngNguyễn Thị Kim Giang
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		25.782.720.633	107.028.107.677
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		27.032.723.775	25.222.924.687
03	- Các khoản dự phòng		944.483.454	693.845.375
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(32.750.571.926)	(92.307.946.340)
06	- Chi phí lãi vay		25.351.019.732	30.640.590.117
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		46.360.375.668	71.277.521.516
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		1.526.194.034	830.777.586
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		555.771.582	(1.276.215.952)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(4.415.382.067)	(4.679.999.132)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.043.057.587	3.869.994.627
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(2.206.035.230)	(887.539.315)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(16.921.740.661)	(30.707.051.522)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(20.000.000.001)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		25.942.240.913	18.427.487.807
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(15.549.519.872)	(26.281.179.075)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	572.531.293
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(51.850.000.000)	(253.648.288.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		50.750.000.000	251.745.500.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.000.000.000)	(94.283.305.869)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		39.773.879.890	67.711.542.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		29.867.171.812	107.673.784.744
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		51.991.531.830	53.490.585.093
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		290.192.412.257	85.672.797.165
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(439.155.522.440)	(116.618.961.278)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(148.963.110.183)	(30.946.164.113)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(71.029.337.440)	40.971.908.787
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		75.185.176.222	34.213.267.435
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>4.155.838.782</u>	<u>75.185.176.222</u>



Phạm Thị Xuân Nhàn
Người lập

Phạm Thị Xuân Nhàn
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Kim Giang
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 02 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**Năm 2021****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch Lâm Đồng tiền thân là Công ty Du lịch Lâm Đồng được chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1703/QĐ-UBND ngày 29/08/2013 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5800271921 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 12/12/2013, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 04 tháng 01 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 396.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 396.000.007.122 đồng; tương đương 39.600.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 225 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 226 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề; chi tiết: Hoạt động dịch vụ các khu danh lam, thắng cảnh, khu vui chơi, giải trí;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tour du lịch; chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, theo hợp đồng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, tàu lửa, ô tô.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Do ảnh hưởng của dịch bệnh trong năm 2021, nên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng và có biến động mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Công ty	Lâm Đồng	Dịch vụ du lịch
Khu du lịch LangBiang	Lâm Đồng	Dịch vụ du lịch
Khu du lịch Cáp treo	Lâm Đồng	Dịch vụ du lịch
Khu du lịch Datanla	Lâm Đồng	Dịch vụ du lịch
Trung tâm Lữ hành	Lâm Đồng	Dịch vụ du lịch
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh	Dịch vụ du lịch
Chi nhánh Hà Nội	Hà Nội	Dịch vụ du lịch
Nhà hàng Thủy Tạ	Lâm Đồng	Dịch vụ du lịch

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty /hoặc trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.4 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, Công ty được nhận khoản lợi nhuận cố định hàng năm, không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng và ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản từ BCC đối với khoản được chia khi có thông báo từ BCC.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Vay

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Chính sách ưu đãi thuế

Theo Nghị Quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội và Nghị Định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính Phủ, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp có doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 không quá 200 tỷ đồng và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2019.

d) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	424.580.890	508.277.360
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.626.859.892	52.576.898.862
Tiền đang chuyển	4.398.000	-
Các khoản tương đương tiền	100.000.000	22.100.000.000
	4.155.838.782	75.185.176.222

Tại ngày 31/12/2021 các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có giá trị 100.000.000 đồng với lãi suất 3,3%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu	3.093.574.545	8.807.954.000	-	887.539.315	1.094.400.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu (mã HJS - 28.800 cổ phần)	887.539.315	907.200.000	-	887.539.315	1.094.400.000	-
- Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (mã GEX - 194.360 cổ phần)	2.206.020.708	7.900.734.000	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần GTNFoods (mã GTN - 01 cổ phần)	14.522	20.000	-	-	-	-
	3.093.574.545	8.807.954.000	-	887.539.315	1.094.400.000	-

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên sàn HNX, HOSE và UPCOM tại ngày 01/01/2021 và 31/12/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	237.279.742.354	(466.455.079)	418.699.216.554	-
- Công ty Cổ phần Du lịch Đồi Robin Đà Lạt	5.083.250.000	-	5.083.250.000	-
- Công ty TNHH Dalat Safari (1)	-	-	250.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Khách sạn Nice Dream	4.975.000.000	(466.455.079)	4.975.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sao Đà Lạt (2)	-	-	80.044.200.000	-
- Công ty Cổ phần Vận chuyển Chuyên Gia	676.600.000	-	676.600.000	-
- Công ty TNHH MTV Giáo dục Phúc Yên	77.920.166.554	-	77.920.166.554	-
- Công ty Cổ phần Trang thiết bị kỹ thuật y tế thành phố Hồ Chí Minh (3)	148.624.725.800	-	-	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	640.193.804.640	-	470.767.000.000	-
- Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú	445.968.000.000	-	445.968.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sao Đà Lạt Cát Bà	-	-	24.799.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dây điện và Phích cắm Trần Phú (4)	194.225.804.640	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	34.049.000.000	-	90.438.781.920	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt	8.250.000.000	-	8.250.000.000	-
- Công ty Cổ phần Dây điện và Phích cắm Trần Phú (4)	-	-	82.188.781.920	-
- Viện nghiên cứu rối loạn phát triển Việt - Hàn	1.000.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần Sao Đà Lạt Cát Bà	24.799.000.000	-	-	-
	911.522.546.994	(466.455.079)	979.904.998.474	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(1) Theo Nghị Quyết số 02.2021/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 18/12/2021, Công ty sáp nhập nguyên trạng Công ty con là Công ty TNHH Dalat Safari vào Công ty mẹ và không làm thay đổi đăng ký doanh nghiệp, không thay đổi cổ đông, không thay đổi nhận sự quản lý như Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Người đại diện theo pháp luật, không thay đổi vốn điều lệ, không làm thay đổi điều lệ của Công ty nhận sáp nhập (Công ty mẹ - Chủ sở hữu 100% vốn) là Công ty CP Du lịch Lâm Đồng.

(2) Theo Nghị quyết số 10.2021/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 07/11/2021, Công ty bán toàn bộ cổ phần của Công ty CP Sao Đà Lạt do Công ty sở hữu cho các nhà Đầu tư khác. Sau các giao dịch trên, tại ngày 31/12/2021, Công ty không còn nắm giữ cổ phần tại Công ty CP Sao Đà Lạt.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

(3) Công ty Cổ phần Trang thiết bị kỹ thuật y tế thành phố Hồ Chí Minh là Công ty con của Công ty TNHH Dalat Safari. Sau sáp nhập Công ty TNHH Dalat Safari vào Công ty mẹ. Công ty Cổ phần Trang thiết bị kỹ thuật y tế thành phố Hồ Chí Minh trở thành Công ty Con của Công ty CP Du lịch Lâm Đồng.

(4) Công ty Cổ phần Dây điện và Phích cắm Trần Phú được theo dõi là khoản đầu tư khác của Công ty CP Du lịch Lâm Đồng và Công ty TNHH Dalat Safari. Sau sáp nhập Công ty TNHH Dalat Safari vào Công ty mẹ. Công ty CP Du lịch Lâm Đồng theo dõi khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dây điện và Phích cắm Trần Phú là khoản đầu tư vào Công ty liên kết với tỷ lệ biểu quyết và lợi ích là 22,49%.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Du lịch Đồi Robin Đà Lạt	Lâm Đồng	99,00%	99,00%	Dịch vụ du lịch
- Công ty Cổ phần Khách sạn Nice Dream	Lâm Đồng	99,50%	99,50%	Dịch vụ du lịch
- Công ty Cổ phần Vận chuyển Chuyên Gia	Hồ Chí Minh	99,50%	99,50%	Dịch vụ vận chuyển
- Công ty TNHH MTV Giáo dục Phúc Yên	Phúc Yên	100,00%	100,00%	Giáo dục
- Công ty Cổ phần Trang thiết bị kỹ thuật y tế thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	96,94%	96,94%	Kinh doanh trang thiết bị kỹ thuật y tế

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú	Hà Nội	24,96%	24,96%	Sản xuất thiết bị điện
- Công ty Cổ phần Dây điện và Phích cắm Trần Phú	Hà Nội	22,49%	22,49%	Sản xuất thiết bị điện

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Đà Lạt	Lâm Đồng	14,69%	14,69%	Vệ sinh môi trường, thiết kế hạ tầng cơ sở ;
- Công ty Cổ phần Sao Đà Lạt Cát Bà	Hải Phòng	55,73%	16,67%	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Đà Lạt Safari	-	-	2.137.000.000	-
- Công ty TNHH thương mại và du lịch Anex Việt Nam	230.450.000	(115.225.000)	230.450.000	-
- Công ty TNHH MTV Tiêu điểm Châu Á	407.135.000	(203.567.500)	407.135.000	-
- Công ty Cổ phần du lịch đồi robin đà lạt	155.093.471	-	-	-
- Phải thu ngắn hạn khách hàng	1.171.782.489	(265.084.500)	887.061.220	(126.457.000)
	<u>1.964.460.960</u>	<u>(583.877.000)</u>	<u>3.661.646.220</u>	<u>(126.457.000)</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
- Trung tâm quản lý nhà TP Đà Lạt	-	-	378.000.000	-
- Công ty TNHH thương mại dịch vụ thành an Lâm Đồng	50.050.000	-	55.900.000	-
- Chi nhánh Công ty Cổ phần đầu tư phát triển môi trường đại việt - khu vực tây Nguyên	187.610.300	-	-	-
- Trả trước cho người bán ngắn	23.872.336	-	62.590.000	-
	<u>261.532.636</u>	<u>-</u>	<u>496.490.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Sao Đà Lạt (1)	5.619.500.000	-	5.319.500.000	-
- Công ty CP Sao Đà Lạt Cát Bà (2)	198.288.000	-	148.288.000	-
- Bà Bùi Thị Hương Ly (3)	750.000.000	-	-	-
	6.567.788.000	-	5.467.788.000	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(1) Hợp đồng vay và biên bản xác nhận bù trừ giữa các bên số 001.BT/SĐL-DLT-HLY và kèm theo các điều khoản như sau:

- + Hạn mức tín dụng: 5.619.500.000 đồng;
- + Mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Lãi suất cho vay: 0,52%/ tháng;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 5.619.500.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

(2) Hợp đồng cho vay tiền số 2020/HLT-SCB ngày 07/12/2020 và các Phụ lục kèm theo với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 198.288.000 đồng;
- + Mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
- + Lãi suất cho vay: 0,52%/ tháng;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 198.288.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

(3) Hợp đồng cho vay tiền số 02.2020/HLT-HLY/HĐCV ngày 06/01/2021 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 50.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn cho vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân;
- + Lãi suất cho vay: 7,2%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 750.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: 500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Cơ điện Trần Phú thuộc sở hữu của ông Đặng Quốc Chính (bên đảm bảo).

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

8 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	34.254.992.000	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	420.369.455	(103.253.750)	2.185.390.521	(82.645.375)
Tạm ứng	675.803.950	-	1.108.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	227.066.000	-	152.938.000	-
Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga	565.000.000	(565.000.000)	565.000.000	(565.000.000)
Phải thu khác	17.271.624	-	6.600.000	-
	36.160.503.029	(668.253.750)	4.017.928.521	(647.645.375)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	8.450.000.000	-	8.450.000.000	-
	8.450.000.000	-	8.450.000.000	-

9 . NỢ XẤU

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Viễn thông di động Toàn Cầu	92.400.000	-	92.400.000	46.200.000
- Công ty TNHH DV & Du lịch ALFA	80.257.000	-	80.257.000	-
- Bà Nguyễn Thị Tuyết Nga	681.107.500	12.853.750	681.107.500	33.462.125
- Công ty TNHH Thương mại và Du lịch Anex Việt Nam	230.450.000	115.225.000	-	-
- Công ty TNHH Lữ hành Egas Misr Việt Nam	180.655.000	90.327.500	-	-
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tiêu điểm Châu Á	407.135.000	203.567.500	-	-
- Các khoản khác	4.200.000	2.100.000	-	-
	1.676.204.500	424.073.750	853.764.500	79.662.125

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	420.695.592	-	541.367.885	-
Công cụ, dụng cụ	4.709.033.602	-	5.062.950.264	-
Hàng hoá	446.053.158	-	527.235.785	-
	5.575.782.352	-	6.131.553.934	-

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Khu du lịch LangBiang	-	195.002.443
- Cải tạo cảnh quan LangBiang	-	195.002.443
Khu du lịch Datanla	4.058.385.208	26.201.008.455
- Cải tạo khu sinh thái Dalanta	4.020.023.842	4.020.023.842
- Trình diễn ánh sáng máng trượt cũ	-	1.546.125.000
- Nâng cấp máng trượt cũ	-	20.380.488.976
- Hệ thống soát vé	-	254.370.637
- Tượng cảnh quan	38.361.366	-
Văn phòng Công ty	32.769.445.687	30.595.727.133
- Dự án Zipline	30.938.500.050	29.969.527.691
- Đèn chiếu sáng Dantala	1.546.125.000	-
- Hệ thống soát vé	284.820.637	-
- Công trình khác	-	626.199.442
	36.827.830.895	56.991.738.031

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	64.946.589.090	100.981.357.419	18.259.241.402	390.909.091	184.578.097.002
- Mua trong năm	-	-	1.325.627.273	-	1.325.627.273
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.652.400.803	21.107.701.522	7.460.818.180	-	34.220.920.505
- Giảm khác	-	(2.000.770)	-	-	(2.000.770)
Số dư cuối năm	70.598.989.893	122.087.058.171	27.045.686.855	390.909.091	220.122.644.010
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	46.344.699.036	48.694.187.858	11.858.872.024	390.909.091	107.288.668.009
- Khấu hao trong năm	4.852.963.037	19.551.637.966	2.594.346.772	-	26.998.947.775
- Giảm khác	-	(2.000.770)	-	-	(2.000.770)
Số dư cuối năm	51.197.662.073	68.243.825.054	14.453.218.796	390.909.091	134.285.615.014
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	18.601.890.054	52.287.169.561	6.400.369.378	-	77.289.428.993
Tại ngày cuối năm	19.401.327.820	53.843.233.117	12.592.468.059	-	85.837.028.996

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 62.363.301.828 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 40.821.356.903 đồng.

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm với nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế tại 31/12/2021 lần lượt là 168.880.000 đồng và 33.776.000 đồng, khấu hao trong kỳ là 33.776.000 đồng và chi phí đền bù các hạng mục Khu du lịch Datanla từ năm 1998 với nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế tại điểm 01/01/2021 và 31/12/2021 là 96.426.992 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	38.491.873	238.640.812
Chi phí sửa chữa tài sản	203.485.601	24.868.134
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.978.336	-
	249.955.810	263.508.946
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.095.911.524	150.568.932
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.746.463.199	3.603.102.282
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.165.622	121.373.582
	2.845.540.345	3.875.044.796

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- KEVIN/E BUNKA	3.360.540.000	3.360.540.000	3.360.540.000	3.360.540.000
- Công ty CP Du lịch Đồi Robin Đà Lạt	32.898.460	32.898.460	7.995.450.898	7.995.450.898
- Công ty CP Khách sạn Nice Dream	33.735.537	33.735.537	2.476.409.318	2.476.409.318
- Công ty CP Xây dựng TM và DV Tân Trường Thịnh	2.463.222.431	2.463.222.431	2.633.222.431	2.633.222.431
- HTX Dịch vụ vận tải Lạc Dương	780.720.000	780.720.000	891.800.000	891.800.000
- Doanh nghiệp tư nhân Thuận Anh	630.500.000	630.500.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	1.658.819.455	1.658.819.455	1.117.622.413	1.117.622.413
	8.960.435.883	8.960.435.883	18.475.045.060	18.475.045.060

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Công ty Cổ Phần khách sạn nice dream	72.010.003	-
- Công ty TNHH Du lịch và tổ chức sự kiện Dương Phong	3.600.000	132.000.000
- Người mua trả tiền trước khác	300.594.002	372.842.768
	376.204.005	504.842.768

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.109.973.941	4.566.195.461	5.676.169.402	-	-
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	4.050.233	4.050.233	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	435.712.537	435.712.537	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.197.990.452	-	(127.233.983)	-	3.325.224.435	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	43.874.858	53.844.205	81.347.662	-	16.371.401
Thuế Tài nguyên	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	3.794.477.149	3.121.924.109	-	672.553.040
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	18.878.203	19.878.203	1.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	801.163.200	801.163.200	-	-
	3.197.990.452	1.153.848.799	9.547.087.005	10.140.245.346	3.326.224.435	688.924.441

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	12.079.866.233	3.650.587.162
- Chi phí phải trả khác	53.804.031	-
	12.133.670.264	3.650.587.162

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước	4.943.979	30.681.910
	4.943.979	30.681.910

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Bảo hiểm xã hội	2.650.000	-
- Bảo hiểm y tế	477.000	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	106.000	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.971.798.850	45.963.750
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	94.023.172	94.023.172
- Khoản đánh giá lại tài sản góp vốn của cán bộ CNV (*)	1.636.313.078	1.636.313.078
- Vốn khấu hao của tài sản góp vốn cấp trực	1.103.000.000	1.103.000.000
- Quỹ Bảo Vệ Và Phát Triển Rừng Tỉnh Lâm Đồng	1.871.871.341	1.375.935.440
- Công ty CP Du lịch Đồi Robin Đà Lạt	1.451.500.000	-
- Công ty CP Khách sạn Nice Dream	2.450.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.770.585.106	3.769.703.406
	15.352.324.547	8.024.938.846
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	375.000.000
	-	375.000.000

(*) Phần chênh lệch tài sản đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của hệ thống máy trượt tương ứng với phần vốn góp của Cán bộ công nhân viên, theo hợp đồng hợp tác đầu tư theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty và Cán bộ công nhân viên từ trước thời điểm cổ phần hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	7.524.731.003	7.524.731.003	90.224.412.257	97.749.143.260	-	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	7.524.731.003	7.524.731.003	40.224.412.257	47.749.143.260	-	-
- Công ty Cổ phần Dây điện và Phích cắm Trần Phú	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	17.335.366.733	17.335.366.733	-	5.968.750.000	11.366.616.733	11.366.616.733
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.735.366.733	5.735.366.733	-	1.468.750.000	4.266.616.733	4.266.616.733
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	11.600.000.000	11.600.000.000	-	4.500.000.000	7.100.000.000	7.100.000.000
	24.860.097.736	24.860.097.736	90.224.412.257	103.717.893.260	11.366.616.733	11.366.616.733
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	12.935.523.119	12.935.523.119	6.175.000.000	1.468.750.000	17.641.773.119	17.641.773.119
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	46.500.000.000	46.500.000.000	-	4.500.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000
- Công ty Cổ phần Khách sạn Nice Dream	1.800.000.000	1.800.000.000	-	-	1.800.000.000	1.800.000.000
- Vay cá nhân	-	-	191.447.000.000	130.437.629.180	61.009.370.820	61.009.370.820
- Công ty Cổ phần Trang thiết bị Kỹ thuật Y tế Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	2.100.000.000	-	2.100.000.000	2.100.000.000
- Trái phiếu thường	204.754.000.000	204.754.000.000	246.000.000	205.000.000.000	-	-
	265.989.523.119	265.989.523.119	199.968.000.000	341.406.379.180	124.551.143.939	124.551.143.939
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(17.335.366.733)	(17.335.366.733)	-	(5.968.750.000)	(11.366.616.733)	(11.366.616.733)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	248.654.156.386	248.654.156.386			113.184.527.206	113.184.527.206

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021

c) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức	Số dư 31/12/2021	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam			17.641.773.119				
08/2017/590355/HĐTD	31/05/2017	10.500.000.000	10.131.083.326	Thực hiện dự án đầu tư Hệ thống Đu dây cáp trượt	60 tháng	9,9%/năm	Tài sản hình thành sau đầu tư của dự án "Hệ thống ziplines (đu dây trượt cáp)" tại Khu du lịch thác Datanla
01/2019/590355/HĐTD	25/11/2019	1.063.000.000	613.000.000	Đầu tư 01 xe ô tô con Vinfast Lux SA2.0	60 tháng	9,5%/năm	01 xe ô tô con Vinfast Lux SA2.0 mới 100% mang biển kiểm soát số 49A-299.97
01/2021/590355/HĐTD	15/04/2021	1.030.000.000	927.000.000	Đầu tư 01 xe ô tô Kia Sorento mới 100%	60 tháng	9,5%/năm	01 xe ô tô Kia Sorento mới 100% hình thành từ vốn vay
02/2021/590355/HĐTD	13/07/2021	5.145.000.000	4.887.750.000	Đầu tư 01 xe ô tô Isuzu mới 100%	60 tháng	9,5% năm	Hợp đồng bảo đảm giữa Công ty và Ngân hàng
01/2017/3339310/HĐTD	21/08/2017	708.000.000	94.400.000	Đầu tư 01 xe ô tô Toyota Fortuner mới 100%	60 tháng	9,5%/năm	01 xe Toyota Fortuner mới 100% hình thành từ vốn vay
01/2018/3339310/HĐTD	28/09/2017	612.000.000	214.200.000	Đầu tư 01 xe ô tô 16 chỗ Ford Transit mới 100%	60 tháng	8,5%/năm	01 xe Ford Transit mới 100% có biển kiểm soát mang số 51B-271.22
02/2018/3339310/HĐTD	08/10/2018	820.000.000	302.000.000	Đầu tư 01 xe ô tô Toyota Fortuner mới 100%	60 tháng	8,5%/năm	01 xe Toyota Fortuner mới 100% hình thành từ vốn vay
01/2019/3339310/HĐTD	11/02/2019	534.000.000	222.613.968	Đầu tư 01 xe ô tô 16 chỗ Ford Transit mới 100%	60 tháng	10,5%/năm	01 xe Ford Transit mới 100% hình thành từ vốn vay
02/2019/3339310/HĐTD	18/02/2019	576.000.000	249.725.825	Đầu tư 01 xe ô tô Kia Sorento mới 100%	60 tháng	10,5%/năm	01 xe Kia Sorento mới 100% hình thành từ vốn vay

Số hợp đồng	Ngày HĐ	Hạn mức	Số dư 31/12/2021	Mục đích vay	Kỳ hạn	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam			42.000.000.000				
0043/TDN/16CD	10/10/2016	58.000.000.000	42.000.000.000	Thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án.	60 tháng	8%/năm	Thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay
Công ty Cổ phần Khách sạn Nice Dream			1.800.000.000				
20191209/DLT-NDH/2019 và Phụ lục Hợp đồng cho vay tiền số 20191209/DLT-NDH/2019	10/12/2019	1.800.000.000	1.800.000.000	Vay vốn lưu động	24 tháng	5%/năm	Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021

Vay cá nhân			61.009.370.820				
02/2021/HLY-DTL/HĐCV	29/04/2021	170.000.000.000	61.009.370.820	Vay vốn lưu động	24 tháng	10,8%/năm	1.350.000 cổ phần của Công ty cổ phần Cơ Điện Trần Phú thuộc sở hữu của Công ty.
Công ty Cổ phần Trang thiết bị Kỹ thuật Y tế Thành phố Hồ			2.100.000.000				
Hợp đồng 140/MTS-HĐCV 2020 và phụ lục hợp đồng số 140/PL/MTS-HĐCV/2020	Hợp đồn ngày 03/06/2020 và phụ lục hợp đồng ngày 22/12/2021	6.042.480.000	2.100.000.000	Mua cổ phần trong việc tăng vốn đợt 1 tại công ty MTS và đảm bảo khả năng trả nợ gốc và lãi đầy đủ cho bên cho vay	36 tháng	6%/năm	Tín chấp

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNG

Số 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	396.000.007.122	82.767.656.000	18.504.000.000	303.413.367.630	800.685.030.752
Lãi trong năm trước	-	-	-	106.703.868.664	106.703.868.664
Số dư cuối năm trước	<u>396.000.007.122</u>	<u>82.767.656.000</u>	<u>18.504.000.000</u>	<u>410.117.236.294</u>	<u>907.388.899.416</u>
Số dư đầu năm nay	396.000.007.122	82.767.656.000	18.504.000.000	410.117.236.294	907.388.899.416
Lãi trong năm nay	-	-	-	25.782.720.633	25.782.720.633
Số dư cuối năm nay	<u>396.000.007.122</u>	<u>82.767.656.000</u>	<u>18.504.000.000</u>	<u>435.899.956.927</u>	<u>933.171.620.049</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Đầu tư và Du lịch An Khang	209.528.950.000	52,91%	209.528.950.000	52,91%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC)	46.381.247.122	11,71%	46.381.247.122	11,71%
Các cổ đông khác	140.089.810.000	35,38%	140.089.810.000	35,38%
	<u>396.000.007.122</u>	<u>100%</u>	<u>396.000.007.122</u>	<u>100%</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	396.000.007.122	396.000.007.122
- Vốn góp đầu năm	396.000.007.122	396.000.007.122
- Vốn góp cuối năm	396.000.007.122	396.000.007.122
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	94.023.172	94.023.172
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	94.023.172	94.023.172

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	39.600.000	39.600.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	39.600.000	39.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.600.000	39.600.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.600.000	39.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	39.600.000	39.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

f) Các quỹ công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.504.000.000	18.504.000.000
	18.504.000.000	18.504.000.000

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	69.914.871.579	169.649.660.004
	69.914.871.579	169.649.660.004

24 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	195.980.266	986.576.482
	195.980.266	986.576.482

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	63.456.795.286	101.178.996.676
	63.456.795.286	101.178.996.676

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	946.009.059	3.964.087.362
Lãi bán các khoản đầu tư	30.245.775.945	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	61.411.133.687	105.137.115.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	29.750.000	-
	92.632.668.691	109.101.202.362

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	25.351.019.732	30.640.590.117
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	29.606.570.820	16.478.248.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	466.455.079	-
Chi phí tài chính khác	246.000.000	-
	55.670.045.631	47.118.838.117

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.051.447.526	1.640.294.548
Chi phí khác bằng tiền	1.305.601.801	3.369.685.958
	2.357.049.327	5.009.980.506

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	777.778	-
Chi phí nhân công	5.350.429.422	7.117.048.231
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.778.272.488	888.439.632
Thuế, phí, lệ phí	1.446.693.782	7.500.000
Chi phí dự phòng	478.028.375	693.845.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.562.680.116	6.308.279.959
Chi phí khác bằng tiền	20.001.003	2.215.066.346
	14.636.882.964	17.230.179.543

30 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	96.742.295
Công nợ phải trả tồn đọng từ lâu	-	255.080.753
Thu nhập khác	10.691.701	10.225.550
	10.691.701	362.048.598

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

31 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	411.750.317
Các khoản bị phạt	458.757.864	136.194.644
Chi phí khác	-	12.287.002
	458.757.864	560.231.963

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.782.720.633	107.028.107.677
Các khoản điều chỉnh tăng	1.582.627.122	425.000.275
- Chi phí không được trừ	478.172.822	425.000.275
- Chi phí lãi vay không được trừ theo NĐ 132	1.104.454.300	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(61.411.133.687)	(105.137.115.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(61.411.133.687)	(105.137.115.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(34.045.785.932)	2.315.992.952
Thuế suất thuế TNDN năm nay	20%	20%
Chi phí thuế TNDN năm nay	-	463.198.590
Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính Phủ	-	138.959.577
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	324.239.013
Thuế TNDN nộp phạt bổ sung của Safari	41.103.731	-
Thuế TNDN đang nộp dư của Safari sau khi sáp nhập vào Công ty	(168.337.714)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(3.197.990.452)	16.477.770.536
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	(20.000.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(3.325.224.435)	(3.197.990.452)

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.399.980.470	12.926.335.926
Chi phí nhân công	13.987.396.454	24.433.278.712
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.032.723.775	25.222.924.687
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	478.028.375	693.845.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.611.723.710	29.017.471.309
Chi phí khác bằng tiền	17.818.399.486	31.125.300.716
	83.328.252.270	123.419.156.725

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH LÂM ĐỒNGSố 01 Lê Đại Hành, Phường 1, Thành Phố Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Chức danh	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Ông Đặng Quốc Chính	Chủ tịch	10.500.000	42.000.000
Ông Huỳnh Bình Thanh	Thành viên HĐQT	7.500.000	30.000.000
Ông Nguyễn Thiên Tường	Thành viên HĐQT	170.300.236	234.622.333
Ông Trịnh Bá Dũng	Thành viên HĐQT miễn nhiệm ngày 22/06/2021	7.500.000	30.000.000
Bà Trần Thanh Hương	Thành viên HĐQT	7.500.000	30.000.000
Bà Đặng Ngọc Anh	Thành viên HĐQT	77.991.264	168.768.911
Ông Nguyễn Võ Lê Huy	Thành viên HĐQT miễn nhiệm ngày 22/06/2021	-	228.192.681
Bà Nguyễn Thị Kim Giang	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	282.943.425	358.735.676
Bà Lê Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	213.471.705	272.777.443
Ông Nguyễn Nhật Vũ	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 01/06/2020	224.938.539	270.823.528
Bà Tạ Thị Diệu Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc	269.285.915	359.636.259

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Phạm Thị Xuân Nhàn
Người lậpPhạm Thị Xuân Nhàn
Kế toán trưởngNguyễn Thị Kim Giang
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 10 tháng 02 năm 2022